

CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP LẦN THỨ 4 VÀ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA NỀN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC

Cách mạng công nghiệp 4.0 (Cách mạng công nghiệp lần thứ 4) với những ảnh hưởng rất sâu rộng và tốc độ đột phá chưa có tiền lệ đã tạo sự biến đổi mạnh mẽ, căn bản của các hệ thống sản xuất, quản lý và quản trị. Đặc biệt là tạo ra những cơ hội và thách thức đối với sự phát triển của nền hành chính nhà nước. Vì vậy, cần nhận thức đúng đắn để có những định hướng và giải pháp phù hợp nhằm hoàn thiện nền hành chính nhà nước đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước.

Những tác động tích cực đối với nền hành chính nhà nước

Cách mạng công nghiệp 4.0 có những tác động tích cực, tạo nhiều cơ hội cho sự phát triển của nền hành chính nhà nước, thể hiện ở những khía cạnh:

- Thay đổi tư duy, nhận thức của nhà quản lý trong nền hành chính nhà nước

Cách mạng công nghiệp 4.0 tác động mạnh mẽ, toàn diện đến tất cả lĩnh vực của đời sống xã hội. Trước hết là tác động đến các nhà quản lý trong nền hành chính nhà nước, thúc đẩy nhận thức về sự phát triển và những tác động của cuộc cách mạng này đối với nền hành chính nhà nước. Từ đó, các nhà quản lý chuẩn bị các định hướng, giải pháp cải cách nền hành chính phù hợp với yêu cầu phát triển xã hội. Cụ thể là những hội thảo, diễn đàn về Cách mạng công nghiệp 4.0 và tác động của nó đối với Việt Nam; là những chỉ đạo quyết liệt của Chính phủ trước sự tác động của cuộc cách mạng này.

Nghị quyết của phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 3 năm 2017 xác định: “Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 là xu hướng phát triển dựa trên nền tảng số hóa và kết nối, có quy mô tác động mạnh mẽ tới mọi mặt của đời sống kinh tế - xã hội, làm thay đổi phương thức và lực lượng sản xuất trong tương lai, có thể mang lại cho Việt Nam nhiều cơ hội để đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đồng thời cũng đưa đến thách thức đối với quá trình phát triển”. Do đó, “Việt Nam cần chủ động có định hướng, giải pháp thiết thực để nắm bắt cơ hội, giảm thiểu các tác động tiêu cực của cuộc cách mạng công nghiệp, trước hết là có bước đột phá về công nghệ thông tin”. Thủ tướng cũng đã ban hành Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 04 tháng 5 năm 2017 về tăng cường năng lực tiếp cận Cách mạng công nghiệp 4.0, xác định những nhiệm vụ cụ thể cho các bộ, ngành và địa phương tích cực chuẩn bị các điều kiện để đáp ứng tốt yêu cầu của cuộc cách mạng này.

- Ứng dụng công nghệ hiện đại để nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước.

Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 với sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin, chủ yếu là công nghệ mạng xã hội, di động, dữ liệu lớn, vạn vật kết nối

internet, phân tích và điện toán đám mây, sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan hành chính nhà nước đẩy mạnh ứng dụng các thành tựu công nghệ để nâng cao hiệu quả quản lý. Như ứng dụng công nghệ thông tin trong xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu của tất cả các ngành, lĩnh vực và kết nối liên thông với nhau nhằm khai thác một cách hiệu quả; sử dụng văn bản điện tử, thư điện tử để trao đổi công việc và các phần mềm như M-office (văn phòng di động) để việc quản lý, điều hành, xử lý các hoạt động tác nghiệp của cơ quan, đơn vị được nhanh chóng, tiết kiệm thời gian, chi phí quản lý và điều hành; sử dụng các phần mềm hỗ trợ việc thu thập, phân tích, xử lý và tích hợp thông tin phục vụ cho hoạt động xây dựng chính sách, ban hành các quyết định quản lý một cách hiệu quả; tổ chức họp trực tuyến và cung ứng các dịch vụ công trực tuyến... Đó là mục tiêu của Chính phủ điện tử mà chúng ta đang triển khai xây dựng.

- Tạo thuận lợi trong việc phát triển nền hành chính dân chủ, minh bạch.

Một đặc trưng quan trọng của nền hành chính hiện đại là đảm bảo tính minh bạch, dân chủ; cũng là một trong những điều kiện quan trọng để xây dựng nền hành chính trong sạch và hiệu quả hơn. Thành tựu của Cách mạng công nghiệp 4.0, đặc biệt là trong phát triển công nghệ thông tin và truyền thông sẽ tạo thuận lợi để đảm bảo tính dân chủ, minh bạch trong bộ máy hành chính nhà nước.

Công nghệ và thiết bị hạ tầng số cho phép tương tác hai chiều giữa người dân và chính phủ. Từ xây dựng thể chế, chính sách đến việc thực thi đều tạo điều kiện thuận lợi đảm bảo sự tham gia tích cực của người dân. Trong xây dựng thể chế, chính sách, hầu hết các dự thảo văn bản pháp luật đều có lấy ý kiến góp ý, phản biện của người dân bằng nhiều hình thức, đặc biệt là thông qua mạng internet rất thuận lợi. Trong tổ chức thực thi chính sách, pháp luật, người dân có thể tham gia giám sát thông qua cơ chế công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình các hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước, với nhiều thuận lợi và hiệu quả hơn khi hiện nay Việt Nam đã tham gia khá sâu rộng trong lĩnh vực internet và truyền thông. Theo Bộ Thông tin và Truyền thông, đến hết năm 2015, có 52% dân số dùng internet; và theo thống kê của wearesocial.net, Việt Nam đứng thứ 22 trên thế giới về số người sử dụng mạng xã hội.

Những thách thức chủ yếu đối với nền hành chính nhà nước

Cách mạng công nghiệp 4.0 đặt ra nhiều thách thức đối với sự phát triển của nền hành chính về nhiều khía cạnh:

- Hoàn thiện hệ thống thể chế, chính sách phát triển nền hành chính nhà nước.

Đòi hỏi trước tiên của nền hành chính phát triển, hiện đại là phải có hệ thống thể chế, chính sách đồng bộ, phù hợp với sự phát triển của xã hội. Cách mạng

công nghiệp 4.0 đặt ra thách thức rất lớn đối với việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống thể chế, chính sách của nền hành chính. Nếu các nhà làm luật và hoạch định chính sách nhận thức đúng sự tác động của cuộc cách mạng này và tích cực, chủ động xây dựng và hoàn thiện hệ thống thể chế, chính sách phù hợp sẽ tận dụng được cơ hội, tạo động lực thúc đẩy xã hội phát triển mạnh mẽ. Ngược lại thì sẽ phải đối mặt với những thách thức, tác động tiêu cực như: tụt hậu về công nghệ, suy giảm sản xuất, kinh doanh; dư thừa lao động có kỹ năng và trình độ thấp, gây phá vỡ thị trường lao động truyền thống, ảnh hưởng tới tình hình kinh tế - xã hội đất nước; mất an toàn, an ninh thông tin, xâm phạm bản quyền, thiếu hụt nguồn nhân lực trình độ cao... Vì vậy, trước tác động của Cách mạng công nghiệp 4.0, cần phải xây dựng và hoàn thiện nhiều loại thể chế, chính sách, trong đó cơ bản là thể chế, chính sách về phát triển khoa học, công nghệ; giáo dục, đào tạo phát triển nguồn nhân lực; an sinh xã hội, giải quyết việc làm; an ninh mạng...

- Đẩy mạnh ứng dụng thành tựu công nghệ mới vào nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước.

Cách mạng công nghiệp 4.0 với sự phát triển tổng hợp của nhiều công nghệ hiện đại, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà quản lý trong nền hành chính đẩy mạnh ứng dụng những công nghệ này nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý. Nếu các nhà quản lý có những chủ trương hợp lý, những định hướng, giải pháp phù hợp trong đẩy mạnh ứng dụng công nghệ hiện đại vào hoạt động quản lý, tận dụng được những thành tựu của công nghệ sẽ mang lại hiệu quả cao trong hoạt động quản lý. Ngược lại thì hoạt động của nền hành chính trở nên trì trệ và kém hiệu quả. Cốt lõi của Cách mạng công nghiệp 4.0 là sự phát triển công nghệ thông tin, do vậy đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin nhằm xây dựng chính phủ điện tử, chính quyền điện tử ở các cấp chính quyền vẫn là nhiệm vụ trọng tâm.

Hiện nay, việc triển khai thực hiện Nghị quyết 36a/NQ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2015 về xây dựng chính phủ điện tử bước đầu đã đạt những kết quả nhất định, nhưng để hoàn thành được các nhiệm vụ, đạt mục tiêu cải cách toàn diện 3 nhóm chỉ số dịch vụ công trực tuyến (OSI), hạ tầng viễn thông và nguồn nhân lực (HCI) cũng đã gặp không ít khó khăn, thách thức. Hạ tầng viễn thông và công nghệ thông tin hiện còn nhiều hạn chế; nguồn nhân lực công nghệ thông tin trong cơ quan hành chính nhà nước còn thiếu về số lượng và yếu kém về chuyên môn. Bên cạnh đó là những khó khăn, thách thức về bảo mật, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin, an ninh mạng. Vì vậy, các bộ, ngành, địa phương phải tổ chức nghiên cứu, tìm hiểu về Cách mạng công nghiệp 4.0 để điều chỉnh, bổ sung kế hoạch, chương trình, đề án, dự án về ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng chính phủ điện tử nhằm tận dụng cơ hội do cuộc cách mạng này mang lại.

- Xây dựng, nâng cao trình độ, năng lực đội ngũ công chức.

Cách mạng công nghiệp 4.0 tạo thuận lợi cho việc đẩy mạnh ứng dụng nhiều thành tựu công nghệ hiện đại, đặc biệt là công nghệ thông tin và robot, nên nhiều loại công việc trong các cơ quan hành chính nhà nước có thể được thực hiện bởi máy tính và robot. Để đảm bảo cho nền hành chính hoạt động hiệu quả, phải xây dựng đội ngũ công chức có tính chuyên nghiệp cao với cơ cấu hợp lý, đặc biệt phải nâng cao trình độ, năng lực để đảm bảo sử dụng hiệu quả các công nghệ hiện đại. Tuy nhiên, đội ngũ công chức ở nước ta còn nhiều bất cập, số lượng tuy nhiều nhưng cơ cấu thiếu hợp lý; trình độ, năng lực của nhiều công chức chưa đáp ứng yêu cầu công việc, đặc biệt là thiếu kỹ năng ứng dụng các công nghệ hiện đại. Do đó, tiếp tục đẩy mạnh tinh giản biên chế, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực đội ngũ công chức đáp ứng yêu cầu phát triển của Cách mạng công nghiệp 4.0 là một nhiệm vụ rất quan trọng, cũng là thách thức lớn hiện nay.

- Giải quyết các vấn đề xã hội của nền hành chính.

Cách mạng công nghiệp 4.0 tiềm ẩn nguy cơ phá vỡ sự cân bằng của thị trường lao động. Khi robot và tự động hóa chiếm lĩnh môi trường sản xuất, số lượng lao động dư thừa, tình trạng thất nghiệp sẽ tăng lên đáng kể, đặc biệt là đối với những người lao động có trình độ thấp. Khoảng cách giàu nghèo có xu hướng gia tăng giữa những đối tượng cung cấp vốn tài chính và vốn tri thức (các nhà sáng chế, cổ đông và nhà đầu tư) và người lao động. Cùng với đó là gia tăng các vấn đề về tệ nạn xã hội, an ninh trật tự xã hội... Do đó, các nhà quản lý, hoạch định chính sách phải nghiên cứu để có chính sách phù hợp về đào tạo phát triển nguồn nhân lực, giải quyết việc làm, an sinh xã hội và đảm bảo trật tự xã hội.

- Thay đổi để thích ứng với sự phát triển của xã hội.

Theo nhận định của nhiều chuyên gia, khi so sánh với các cuộc cách mạng công nghiệp trước đó, Cách mạng công nghiệp 4.0 đang phát triển theo hàm số mũ chứ không theo tốc độ tuyến tính. Giáo sư người Đức Klaus Schwab, Chủ tịch Diễn đàn Kinh tế Thế giới Davos, người đã đưa ra khái niệm cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 đã khẳng định: “Chúng ta đang tiến tới một cuộc cách mạng công nghệ, công nghiệp làm thay đổi cơ bản lối sống, phong cách làm việc và cách thức giao tiếp. Xét về phạm vi, mức độ và tính phức tạp, sự dịch chuyển này không giống với bất kỳ điều gì mà con người từng trải qua”. Trước sự thay đổi mạnh mẽ của xã hội do tác động của Cách mạng công nghiệp 4.0, nền hành chính phải thay đổi, thích ứng với sự thay đổi, phát triển của xã hội để đáp ứng yêu cầu quản lý xã hội. Đó là một trong những yêu cầu quan trọng của nền hành chính hiện đại. Khả năng thích ứng sẽ quyết định sự tồn tại của hệ thống chính phủ và các cơ quan công quyền; nếu chúng minh được khả năng kiểm soát những thay đổi đột phá, xây dựng được các cấu trúc đến mức độ minh bạch và hiệu quả sẽ thúc đẩy sự phát triển của nền hành chính.

Cần thực hiện tốt một số định hướng

Với những cơ hội, thách thức nêu trên, cần thực hiện tốt một số định hướng:

Một là, nâng cao nhận thức trong đội ngũ cán bộ, công chức, đặc biệt là đội ngũ cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý, về những tác động của Cách mạng công nghiệp 4.0 đối với nền hành chính nhà nước; đồng thời mỗi cán bộ, công chức và từng cơ quan, đơn vị trong bộ máy hành chính phải có những hành động cụ thể nhằm đưa ra những sáng kiến, giải pháp thiết thực để cải cách, hoàn thiện tổ chức và hoạt động của cơ quan, đơn vị, đáp ứng yêu cầu phát triển, tránh tình trạng mọi nơi đều nói đến Cách mạng công nghiệp 4.0 nhưng... không ai biết rõ ràng.

Hai là, tích cực hoàn thiện hệ thống thể chế của nền hành chính, tạo hành lang pháp lý cho sự phát triển của các ngành, lĩnh vực đáp ứng yêu cầu phát triển của Cách mạng công nghiệp 4.0. Trước hết, cần nhanh chóng hoàn thiện môi trường pháp lý cho phát triển thị trường khoa học công nghệ theo hướng hội nhập, xây dựng môi trường pháp lý cho phát triển các ngành nghề kinh doanh nảy nở từ Cách mạng công nghiệp 4.0. Nhà nước cần tạo điều kiện về môi trường cho các doanh nghiệp được tiếp cận, tham gia và ứng dụng các công nghệ tiên tiến; quan tâm hoàn thiện hệ thống thể chế, chính sách về giáo dục, đào tạo phát triển nguồn nhân lực xã hội; chính sách về giải quyết việc làm, an sinh xã hội...

Ba là, đẩy mạnh ứng dụng các thành tựu công nghệ hiện đại vào hoạt động quản lý của các cơ quan hành chính nhà nước; đặc biệt là trong xây dựng chính phủ điện tử, đáp ứng tốt hơn yêu cầu quản lý trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0. Đồng thời đẩy nhanh ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong nhiều ngành nghề, góp phần khắc phục những khó khăn hiện có.

Bốn là, tích cực, chủ động xây dựng và nâng cao trình độ, năng lực đội ngũ công chức có cơ cấu, số lượng phù hợp; đổi mới công tác tuyển dụng và đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ, năng lực, đảm bảo cho đội ngũ công chức có thể ứng dụng nhiều thành tựu công nghệ hiện đại của Cách mạng công nghiệp 4.0 vào công tác quản lý, điều hành.

Năm là, các cấp, ngành cần nhanh chóng rà soát, xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch hành động để sẵn sàng các điều kiện và thực hiện ngay từ bây giờ việc hội nhập, hợp tác, chủ động đón nhận, đưa Việt Nam vào nhóm nước đang phát triển đi đầu trong tham gia, thực hiện cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 một cách hiệu quả, tránh bị tụt hậu xa hơn trong cuộc cách mạng này.

**Biên soạn theo tài liệu Bộ Nội vụ
và Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh**

KỶ VỌNG VỀ NHỮNG DẤU ẤN CỦA VIỆT NAM TRONG VAI TRÒ CHỦ TỊCH ASEAN 2020

Trên hành trình phát triển 53 năm của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), 2020 là “Năm ASEAN - Việt Nam”, Việt Nam làm Chủ tịch, được các nước trong khu vực và thế giới kỳ vọng lớn rằng Việt Nam sẽ tạo được dấu ấn lớn để thúc đẩy sự phát triển của tổ chức. Với Việt Nam, đây là mốc đánh dấu 25 năm Việt Nam đồng hành cùng ASEAN, đồng thời với một sứ mệnh quốc tế quan trọng khác là đảm nhận vai trò Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2020 - 2021.

Bối cảnh mới trong năm Chủ tịch ASEAN của Việt Nam

Năm 2020, Việt Nam lần thứ hai giữ vai trò Chủ tịch ASEAN trong bối cảnh khu vực châu Á - Thái Bình Dương, mà hiện được mở rộng không gian tiếp cận thành Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, tiếp tục đi đầu về tốc độ tăng trưởng, liên kết nhưng ngày càng xuất hiện những bất ổn. So với cục diện thế giới, khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương đang chuyển động nhanh hơn do: Là khu vực phát triển năng động nhất mà các cường quốc lớn mạnh bậc nhất thế giới đang cạnh tranh chiến lược quyết liệt, có triển vọng trở thành trung tâm quyền lực mới của thế giới vào giữa thế kỷ XXI; Là một trong những khu vực tập trung nhiều “điểm nóng” liên quan trực tiếp đến cạnh tranh chiến lược nước lớn và các thách thức an ninh phi truyền thống trên thế giới; Các thể chế đa phương ở khu vực chưa phát triển tới mức đủ khả năng xử lý các thách thức an ninh khu vực và chưa hình thành hệ thống an ninh tập thể như một số khu vực khác trên thế giới.

Cộng đồng ASEAN có khoảng 654,3 triệu người, là nền kinh tế lớn thứ sáu trên thế giới vào năm 2019 và dự báo lên vị trí thứ tư thế giới vào năm 2030 (sau Mỹ, Trung Quốc, Ấn Độ). Từ nhiều năm qua, ASEAN trở thành trung tâm phát triển với mức tăng trưởng trung bình 5%/năm, là một đối tác kinh tế quan trọng trên thế giới và là vùng ưu tiên của các nhà đầu tư, chiếm khoảng 7% đầu tư trực tiếp nước ngoài trên thế giới. Gần đây, ASEAN trở thành tâm điểm trong quá trình dịch chuyển sản xuất từ tác động của cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung Quốc, đại dịch Covid-19 và diễn biến mới từ các luồng đầu tư quốc tế. Vai trò của ASEAN được các nước lớn và các đối tác coi trọng. Tuy nhiên, ASEAN chưa trở thành thực thể thống nhất và “vai trò trung tâm” của ASEAN có nguy cơ giảm do thách thức nội bộ và điều chỉnh chính sách của các nước lớn.

Trong 05 năm gần đây, Cộng đồng ASEAN có nhiều bước phát triển, song mức độ hợp tác thực chất tương đối thấp. ASEAN cơ bản vẫn là một tổ chức liên chính phủ, chưa thực sự là một Cộng đồng với các chính sách chung và các liên

kết chặt chẽ, đầy đủ trên ba trụ cột đã xác định. Mức độ gắn kết kinh tế nội khối khá thấp, trong tổng thương mại của ASEAN, thương mại nội khối chỉ khoảng 24%. ASEAN đang gặp thách thức cả từ bên trong và bên ngoài. Sự xuất hiện, bùng phát và diễn biến của đại dịch Covid-19 đang đặt toàn thể giới nói chung, khu vực ASEAN và cơ chế hoạt động trong năm Chủ tịch ASEAN 2020 của Việt Nam trước các thách thức mới vô cùng khó khăn. Từ đó, các quốc gia trong khu vực nhận thấy sự cần thiết của hợp tác khu vực và quốc tế; sự thay đổi lớn trong hợp tác khu vực để vượt qua cuộc khủng hoảng hiện nay, trong đó vai trò của Việt Nam - nước Chủ tịch ASEAN 2020 - có ý nghĩa quan trọng.

Việt Nam - Chủ tịch ASEAN 2020 là một trong ba nước có khả năng “dẫn dắt” ASEAN

Sau 25 năm tham gia ASEAN, Việt Nam đã tham gia sâu rộng vào tất cả lĩnh vực hợp tác của ASEAN. Cùng với Indonesia và Singapore, Việt Nam đã được coi là một trong ba nước có khả năng “dẫn dắt” ASEAN. Và sau 05 năm triển khai xây dựng Cộng đồng Kinh tế ASEAN, Việt Nam đã đi trước trong nhiều lĩnh vực hội nhập quan trọng, là một trong hai nước đi đầu khôi phục tỷ lệ thực hiện các biện pháp xây dựng Cộng đồng Kinh tế ASEAN, đạt 94,5%, vượt mức trung bình 90,5%. Sau thời gian kim ngạch thương mại Việt Nam - ASEAN sụt giảm, xuất khẩu của Việt Nam sang ASEAN từ năm 2017 đến nay bắt đầu tăng mạnh, đạt trên 20%/năm nhờ tranh thủ tốt các cơ hội từ liên kết khu vực và tăng cường đan xen lợi ích với các nước thành viên.

Về ý nghĩa chiến lược, ASEAN đã trở thành điểm tựa và là diễn đàn quan trọng để gia tăng củng cố, đoàn kết nội khối, nhất là trong vấn đề Biển Đông - một vấn đề đã trở thành nội dung không thể thiếu trong trao đổi, chương trình nghị sự của ASEAN. Từ câu chuyện Tuyên bố về cách ứng xử của các bên trên Biển Đông (DOC) năm 2002 đến tiến trình xây dựng Bộ Quy tắc ứng xử của các bên trên Biển Đông (COC) hiện nay, ASEAN đều đóng vai trò đi đầu rất quan trọng. Vòng đàm phán chính thức đầu tiên về COC đã được khởi động vào tháng 3 năm 2018 tại Nha Trang (Việt Nam) và đến tháng 8 năm 2018, ASEAN và Trung Quốc đã có được văn bản đơn nhất để làm cơ sở đàm phán COC. Tại Hội nghị cấp cao Trung Quốc - ASEAN ở Bangkok, Thái Lan ngày 03 tháng 11 năm 2019, Thủ tướng Trung Quốc Lý Khắc Cường tuyên bố mong muốn hoàn tất đàm phán COC trong 03 năm tới. Tuy nhiên, với những diễn biến mới về các động thái của Trung Quốc tại Biển Đông, để có một COC thực sự hiệu quả, thực chất, ràng buộc về pháp lý đáp ứng yêu cầu của các nước trong khu vực, sẽ là tiến trình rất khó khăn, phức tạp; phụ thuộc nhiều vào quan điểm, thái độ thực chất của Trung Quốc. Trong vai trò Chủ tịch ASEAN năm 2020, Việt Nam sẽ tích cực và duy trì kênh đối ngoại ASEAN - Trung Quốc về Biển Đông.

Trong năm Chủ tịch ASEAN, trong bối cảnh đại dịch Covid-19 có thể kéo dài, với việc hoàn thành tốt trách nhiệm của vai trò này, Việt Nam sẽ góp phần củng cố đoàn kết và gắn kết ASEAN, nâng cao sức mạnh nội khối, đẩy mạnh tiến trình xây dựng Cộng đồng ASEAN ngày càng liên kết chặt chẽ và vững mạnh, tạo tiền đề cho giai đoạn phát triển tiếp theo của Cộng đồng, cũng như nâng cao vai trò và đóng góp của ASEAN trong cộng đồng quốc tế.

Trên tinh thần đó, Việt Nam xây dựng chủ đề “Gắn kết và Chủ động thích ứng” cho năm Chủ tịch ASEAN 2020. “Gắn kết” thể hiện ý tưởng củng cố khối đoàn kết, thống nhất, nâng cao năng lực nội tại và thúc đẩy Cộng đồng ASEAN phát triển vững mạnh, tăng cường liên kết khu vực, kết nối kinh tế, đề cao ý thức cộng đồng và bản sắc ASEAN, gắn bó và lấy người dân làm trung tâm. Khái niệm này đã được đề cập trong các văn kiện nền tảng của ASEAN gồm gắn kết chính trị, kinh tế và gắn bó giữa các xã hội. Trong bối cảnh hiện nay và trong đại dịch Covid-19, gắn kết càng trở nên quan trọng hơn với ASEAN.

“Chủ động thích ứng” là nâng cao năng lực thích ứng trước các biến động nhanh chóng của tình hình thế giới, các thách thức đang nổi lên, như cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn; các vấn đề toàn cầu, như biến đổi khí hậu, an ninh mạng, khủng bố, tội phạm xuyên quốc gia, đại dịch Covid-19... Đồng thời nâng cao khả năng tận dụng cơ hội và hạn chế thách thức do tác động của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (Cách mạng công nghiệp 4.0), không chế và có cơ chế kiểm soát, giảm thiểu tác hại về mọi mặt, nhất là khắc phục hậu quả về kinh tế do đại dịch Covid-19 gây ra. “Chủ động thích ứng” là một nội hàm của Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025, lần đầu được đưa vào chủ đề Năm ASEAN.

Với chủ đề nói trên, Việt Nam mong muốn xây dựng hai thành tố có tính giao thoa, bổ trợ chặt chẽ. Một Cộng đồng ASEAN gắn kết và phát triển cần gia tăng chủ động thích ứng với các yếu tố tác động từ bên ngoài và ngược lại, khả năng này chỉ có được nếu ASEAN là một khối gắn kết chặt chẽ. Để thực hiện mục tiêu trên, tạo dấu ấn đặc biệt trong năm Chủ tịch ASEAN, Việt Nam nêu 5 ưu tiên trong thúc đẩy các hoạt động của năm ASEAN 2020, bao gồm:

- Phát huy vai trò và sự đóng góp tích cực của ASEAN vào công cuộc duy trì môi trường hòa bình, an ninh và ổn định ở khu vực trên cơ sở tăng cường đoàn kết, thống nhất; đẩy mạnh tinh thần gắn bó, tương trợ, ủng hộ lẫn nhau giữa các nước thành viên; nâng cao khả năng phối hợp lập trường chung trong xử lý các vấn đề khu vực và quốc tế; thúc đẩy hình thành và tuân thủ các quy tắc, chuẩn mực ứng xử chung trong quan hệ giữa các quốc gia; ứng phó kịp thời, hiệu quả với các thách thức đe dọa hòa bình, an ninh và ổn định ở khu vực.

- Thúc đẩy liên kết khu vực, nâng cao khả năng thích ứng, tận dụng cơ hội của Cách mạng công nghiệp 4.0: Liên kết kinh tế sâu rộng và kết nối toàn diện;

đổi mới sáng tạo, ứng dụng công nghệ số và các công nghệ mới để thúc đẩy tăng trưởng bền vững, bao trùm về kinh tế, tài chính và xã hội; nỗ lực thu hẹp khoảng cách phát triển; xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao; tăng cường các dịch vụ xã hội; hiện đại hóa nền hành chính công; xây dựng môi trường xanh...

- Thúc đẩy ý thức cộng đồng và bản sắc ASEAN, tạo dựng các giá trị chung và phổ biến rộng rãi trong người dân, thúc đẩy nhận thức và nhận diện về Cộng đồng ASEAN thống nhất trong đa dạng, nâng cao hình ảnh của Cộng đồng ASEAN trong khu vực và trên thế giới.

- Đẩy mạnh quan hệ đối tác vì hòa bình và phát triển bền vững với các nước trên thế giới, phát huy vai trò và đóng góp của ASEAN trong cộng đồng quốc tế; mở rộng và nâng tầm quan hệ với các đối tác trên toàn cầu, góp phần định hình cấu trúc và luật chơi mới của khu vực và thế giới.

- Nâng cao năng lực thích ứng và hiệu quả hoạt động của bộ máy ASEAN. Cải cách thể chế, tăng cường hiệu quả hoạt động của bộ máy ASEAN; điều chỉnh, hoàn thiện và nâng cấp các quy trình, quy chuẩn trong ASEAN.

Việt Nam phát huy tinh thần chủ động, tích cực trên cương vị Chủ tịch ASEAN 2020

Ngày 06 tháng 01 năm 2020, Việt Nam tổ chức “Lễ khởi động năm Chủ tịch ASEAN 2020”, mở màn cho hàng loạt hội nghị trong khuôn khổ ASEAN, giữa ASEAN với các đối tác sẽ được tổ chức xuyên suốt năm 2020. Ngày 09 và 10 tháng 01 năm 2020, Hội nghị của Ủy ban tham vấn Thuận lợi hóa Thương mại ASEAN lần thứ 16 - Hội nghị đầu tiên của năm 2020 thuộc kênh kinh tế, do Bộ Công Thương phụ trách được tổ chức tại Hà Nội. Việt Nam đã thể hiện tinh thần chủ động, linh hoạt trong quá trình điều phối cuộc họp; tích cực tham vấn quan điểm của các nước ASEAN, Ban Thư ký ASEAN cũng như các đối tác và đại diện các cơ quan chuyên ngành của ASEAN; thống nhất các luồng quan điểm và đưa ra kết luận hội nghị. Hội nghị đã thảo luận các sáng kiến và đề xuất cụ thể để thúc đẩy hợp tác của các nước ASEAN nhằm tạo thuận lợi cho thương mại, chuẩn bị cho đánh giá giữa kỳ của ASEAN về nội dung này vào năm 2021.

Từ ngày 12 đến ngày 14 tháng 01 năm 2020, tổ chức tại Hà Nội Hội nghị các quan chức kinh tế cao cấp ASEAN lần thứ nhất năm 2020. Trên cơ sở chủ đề Năm ASEAN 2020 “Gắn kết và Chủ động thích ứng”, Việt Nam đưa ra ba định hướng ưu tiên thuộc trụ cột kinh tế gồm: Thúc đẩy liên kết, kết nối kinh tế khu vực nội khối; Đẩy mạnh quan hệ đối tác vì hòa bình và phát triển bền vững; Nâng cao năng lực thích ứng và hiệu quả hoạt động của ASEAN.

Nhằm triển khai chủ đề và các ưu tiên của năm ASEAN 2020, Việt Nam đã xây dựng 14 sáng kiến, ưu tiên và kế hoạch hợp tác cụ thể để thảo luận, tham vấn

và thống nhất tại Hội nghị của Ủy ban tham vấn Thuận lợi hóa Thương mại ASEAN lần thứ 16. Những sáng kiến này nhằm bảo đảm ASEAN tiếp tục hợp tác thúc đẩy quá trình thiết lập Cộng đồng kinh tế ASEAN theo đúng thời hạn đã đặt ra, củng cố vị trí trung tâm của ASEAN trong các khuôn khổ hợp tác kinh tế khu vực và toàn cầu. Các nước ASEAN đánh giá cao Việt Nam tích cực thúc đẩy nhiều sáng kiến trong năm ASEAN 2020; và đã có nhiều ý kiến đóng góp thiết thực để Việt Nam hoàn thiện các sáng kiến trước khi đưa lên cấp Bộ trưởng thảo luận và chính thức thông qua.

Trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19, sau khi tham vấn các nhà lãnh đạo ASEAN, Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc ra Tuyên bố Chủ tịch ASEAN ngày 14 tháng 02 năm 2020, khẳng định quyết tâm và cam kết chính trị của ASEAN về kiểm soát, ngăn chặn dịch bệnh. Sau đó, trong phiên họp ngày 20 tháng 02 năm 2020 của Hội đồng Điều phối ASEAN, các Bộ trưởng Ngoại giao đã trao đổi các biện pháp phối hợp, hợp tác trong khối và với các đối tác để ứng phó dịch bệnh. Rõ ràng, ngay khi dịch bệnh Covid-19 mới bùng phát, là Chủ tịch ASEAN 2020, Việt Nam chủ động, tích cực thúc đẩy đoàn kết, thống nhất và điều phối nỗ lực chung của ASEAN ứng phó với dịch bệnh và ASEAN tiếp tục duy trì đà hợp tác, liên kết, đưa ASEAN vững vàng vượt qua giai đoạn khó khăn, thử thách.

Sự chủ động, linh hoạt đó thể hiện rõ qua việc tổ chức các cuộc họp trực tuyến trong tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp. Như Hội nghị Cấp cao đặc biệt ASEAN và Hội nghị Cấp cao đặc biệt ASEAN+3 (Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc) về ứng phó dịch bệnh Covid-19 được tổ chức trực tuyến vào ngày 14 tháng 4 năm 2020 nhằm nâng cao tinh thần gắn kết, chủ động thích ứng, thúc đẩy đoàn kết, thống nhất ASEAN; đẩy mạnh cách tiếp cận tổng thể, đồng bộ, liên ngành, liên trụ cột của Cộng đồng ASEAN cũng như hợp tác với các đối tác trong kiểm soát, ứng phó với dịch bệnh và các tác động. Việt Nam cũng đã tổ chức Hội nghị trực tuyến đặc biệt các Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN - Mỹ về dịch bệnh Covid-19 vào ngày 23 tháng 4 năm 2020.

Các bộ trưởng ngoại giao đã chia sẻ quan ngại trước tình hình dịch Covid-19 diễn biến phức tạp và lây lan nhanh chóng; đồng thời, thông tin về kinh nghiệm ứng phó, trao đổi, thống nhất về phương hướng và biện pháp kiểm soát và ngăn chặn dịch Covid-19, khẳng định sẵn sàng hợp tác chặt chẽ, hỗ trợ nhau trong nhiều vấn đề khu vực và quốc tế. Các bộ trưởng đã nhất trí đẩy mạnh chia sẻ thông tin, kinh nghiệm, phối hợp chính sách và nâng cao năng lực ứng phó với tình huống y tế khẩn cấp trong tương lai; cam kết hỗ trợ công dân của nhau bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh; phối hợp hành động, đẩy mạnh nỗ lực giảm thiểu tác động kinh tế - xã hội của dịch bệnh, bảo đảm bình ổn giá, duy trì chuỗi cung ứng khu vực và toàn

cầu, nhất là với các mặt hàng thiết yếu và trao đổi về các biện pháp phục hồi kinh tế dài hạn...

Đặc biệt, trong bối cảnh các nước tập trung nỗ lực và nguồn lực vào phòng, chống dịch bệnh, cần duy trì trật tự khu vực dựa trên luật lệ, bảo đảm hòa bình, ổn định, an ninh và thượng tôn pháp luật ở khu vực; đồng thời tăng cường lòng tin và minh bạch giữa các nước trong khu vực, tránh mọi hoạt động làm phức tạp thêm tình hình.

Tiếp đó, Việt Nam tổ chức Hội nghị trực tuyến Nhóm làm việc Quan chức Quốc phòng cấp cao ASEAN tại Hà Nội vào ngày 12 tháng 5 năm 2020. Bộ trưởng Quốc phòng các nước ASEAN nhất trí rằng, dù đại dịch Covid-19 diễn biến thế nào, hợp tác ASEAN nói chung và hợp tác quốc phòng ASEAN nói riêng, vẫn sẽ được tiếp tục; và các chương trình, kế hoạch của các hội nghị quân sự, quốc phòng ASEAN do Việt Nam chủ trì tổ chức trong năm 2020 cũng vẫn được tiếp tục.

Trong bối cảnh đặc biệt khi đại dịch Covid-19 lan rộng trên toàn cầu, tác động tiêu cực đến mọi mặt kinh tế, xã hội, đời sống của các nước và người dân. Tuy nhiên, đó cũng là cơ hội để Việt Nam phát huy hơn nữa vai trò Chủ tịch ASEAN 2020, như: đã chủ động và kịp thời tổ chức thành công nhiều hội nghị trực tuyến trong ASEAN và với các đối tác về phòng, chống dịch bệnh Covid-19; đề xuất nhiều sáng kiến có giá trị, đúng như chủ đề “Gắn kết và Chủ động thích ứng”. Để chuẩn bị cho Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ 36 khai mạc ngày 06 tháng 6 năm 2020, Việt Nam đã triển khai, điều chỉnh, bổ sung các hoạt động, sáng kiến trong khuôn khổ năm Chủ tịch ASEAN 2020 dưới tác động của dịch bệnh Covid-19. Đồng thời kiến nghị nhiều biện pháp điều chỉnh các kế hoạch công tác trong lĩnh vực phụ trách phù hợp với tình hình mới, nhất là lộ trình cụ thể trong triển khai các nội dung bảo đảm thực hiện thành công các sáng kiến của năm Chủ tịch ASEAN 2020 và con đường phát triển ASEAN trong tầm nhìn 2025 và chiến lược dài hạn.

Năm Chủ tịch ASEAN 2020 xuất hiện những thách thức mới, nhưng sẽ là cơ hội lớn của đối ngoại đa phương của Việt Nam. Với quyết tâm và sự chuẩn bị kỹ lưỡng, Việt Nam sẽ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đối ngoại năm 2020. Đặc biệt là, năm 2020 sẽ tạo dấu ấn của Việt Nam trong nỗ lực xây dựng một ASEAN đoàn kết, thống nhất, hòa bình, thịnh vượng.

Biên soạn theo Tạp chí Cộng sản và Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam

VIỆT NAM - ĐIỂM ĐẾN ĐẦU TƯ HẤP DẪN Ở CHÂU Á VÀ LÀ LỰA CHỌN CỦA NHIỀU CÔNG TY CHÂU ÂU

Bất chấp dịch Covid-19, Việt Nam vẫn được đánh giá là điểm đến đầu tư hấp dẫn hàng đầu châu Á và là lựa chọn của nhiều công ty châu Âu.

Việt Nam - điểm đầu tư hấp dẫn hàng đầu châu Á

Cuộc khủng hoảng dịch viêm đường hô hấp cấp Covid-19 khiến chuỗi cung ứng phụ thuộc vào từng quốc gia đơn lẻ, các công ty phải đối mặt với nhiều rủi ro và phải thay đổi quan điểm để tìm đến những quốc gia có điều kiện thuận lợi. Sự thành công trong việc ứng phó với dịch Covid-19 đã làm gia tăng uy tín của Việt Nam đối với các nhà đầu tư nước ngoài, chứng tỏ được khả năng ứng phó với các rủi ro và duy trì sự ổn định của đất nước.

Những năm gần đây, Việt Nam đã trở thành một lựa chọn phổ biến cho các công ty muốn mở rộng mạng lưới sản xuất ở châu Á và khủng hoảng Covid-19 càng đẩy mạnh hơn xu hướng này. Bài báo trên trang Handelsblatt (Thương mại) của Đức ngày 13 tháng 8 năm 2020 cho biết, với dân số khoảng 100 triệu người, Việt Nam có triển vọng rất khả quan trong việc tận dụng lợi thế phát triển. Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) dự báo Việt Nam có thể kỳ vọng mức tăng trưởng kinh tế gần 3% trong năm 2020.

Trong tương lai, nhà sản xuất băng dính Tesa của Đức đã chọn đầu tư khoảng 55 triệu Euro (65 triệu USD) vào miền Bắc Việt Nam để xây dựng nhà máy 70.000 m². Và dù ở Việt Nam cũng xuất hiện đại dịch Covid-19 nhưng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) chỉ giảm nhẹ trong nửa đầu năm 2020 so với dòng vốn cao năm 2019. Tại các đặc khu kinh tế - nơi có tỷ lệ lớn các nhà đầu tư nước ngoài tìm đến, mặt bằng cho các nhà máy mới ngày càng trở nên khó tìm kiếm. Ở miền Nam, giá cho thuê trong quý II đã tăng 10% so với năm 2019; và Thành phố Hồ Chí Minh cho biết sẽ tăng gần gấp 3 diện tích cho công nghiệp vào cuối năm 2020.

Một lý do khiến Việt Nam ngày càng hấp dẫn các nhà đầu tư nước ngoài là với Hiệp định Thương mại tự do Liên minh châu Âu - Việt Nam (EVFTA) có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2020, thuế quan của 99% hàng hóa sẽ dần được xóa bỏ, các công ty châu Âu muốn sản xuất tại châu Á rất kỳ vọng vào Hiệp định này. Ông Marko Walde, Trưởng Đại diện Phòng Công nghiệp và Thương mại Đức tại Việt Nam, cho rằng Việt Nam không chỉ là một điểm đến đầu tư mà còn có tầm quan trọng to lớn trong việc phát triển các chuỗi cung ứng thay thế.

Bên cạnh đó, với Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Việt Nam đã gia nhập khu vực thương mại tự do với các nước

như Nhật Bản, Canada và Mexico từ năm 2018; và đang tham gia đàm phán Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP), trong đó có Trung Quốc, Australia, cũng như đang thảo luận về một hiệp định thương mại tự do với Mỹ. Chính sự cởi mở đối với toàn cầu hóa, Việt Nam đã thu hút nhiều tập đoàn lớn. Nhà sản xuất iPhone Apple đã chuyển khoảng 1/3 sản lượng tại nghe không dây sang Việt Nam; Google và Microsoft cũng đang đẩy nhanh kế hoạch chuyển một phần sản xuất phần cứng sang Việt Nam... Các chuyên gia thuộc Công ty đầu tư Dragon Capital cho rằng, việc Chính phủ Việt Nam ưu tiên mở rộng cơ sở hạ tầng trong chương trình kích thích kinh tế để phục hồi sau đại dịch Covid-19 sẽ làm tăng tiềm năng tăng trưởng của Việt Nam trong thập kỷ tới.

Việt Nam hấp dẫn doanh nghiệp công nghệ thông tin Ấn Độ

Việt Nam có nhiều nhân tài trẻ và môi trường đầu tư hấp dẫn nên có tiềm năng phát triển lớn trong ngành công nghệ thông tin và trở thành một trong những điểm đến đầu tư sáng nhất đối với các doanh nghiệp công nghệ thông tin Ấn Độ. Đây là nhận định của ông Sanjay Gupta, Phó Chủ tịch phụ trách kinh doanh của tập đoàn HCL Technologies - công ty công nghệ thông tin lớn thứ 3 của Ấn Độ, có tới 150.000 nhân viên làm việc tại 47 quốc gia trên thế giới và doanh thu năm 2019 đạt đến 10 tỷ USD. Theo ông Sanjay Gupta, Việt Nam vừa phục hồi kinh tế tốt, vừa chống Covid-19 hiệu quả nên là một điểm sáng trong đại dịch; và với nền kinh tế mở, môi trường kinh doanh thuận lợi, Việt Nam có tiềm năng trở thành quốc gia có tốc độ tăng trưởng nhanh trong thời kỳ hậu đại dịch.

Theo Bộ Thông tin và Truyền thông Việt Nam, đến nay mới có 23 công ty Ấn Độ đầu tư vào Việt Nam trong lĩnh vực công nghệ thông tin. Con số này chưa tương xứng với tiềm năng của ngành công nghệ thông tin Việt Nam và tiềm năng hợp tác giữa hai nước, nhất là khi Ấn Độ được đánh giá là một cường quốc về phần mềm và dịch vụ công nghệ thông tin trên thế giới.

Tuy nhiên, ông Sanjay Gupta khẳng định, HCL đang “quyết liệt” xúc tiến một kế hoạch lớn đầu tư hàng trăm triệu USD vào Việt Nam và tuyển dụng tới 8.000 nhân viên trong năm tài chính tiếp theo, đặc biệt là trong ngành phần mềm và dịch vụ. Tập đoàn đang hướng đến mục tiêu thiết lập một trung tâm tại Việt Nam và đó sẽ là một trong những trung tâm lớn nhất của HCL bên ngoài Ấn Độ ở Đông Nam Á.

Tháng 7 năm 2020, Việt Nam thu hút 3,15 tỷ USD vốn FDI

Theo Báo cáo của Cục Đầu tư nước ngoài, sau khi giảm thấp nhất trong tháng 6 năm 2020, vốn FDI điều chỉnh tháng 7 đã gia tăng trở lại, với tổng vốn đăng ký tăng thêm gần 992,2 triệu USD; tăng hơn 2 lần so với cùng kỳ năm 2019; tăng gần 3,7 lần so với tháng 6.

Cả nước có 202 dự án FDI được cấp mới trong tháng 7

Báo cáo của Cục Đầu tư nước ngoài cho biết trong tháng 7, cả nước thu hút 3,15 tỷ USD vốn FDI đăng ký cấp mới, điều chỉnh và góp vốn mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài; chiếm 16,7% tổng vốn FDI 7 tháng. Trong đó, có 202 dự án được cấp mới giấy chứng nhận đăng ký đầu tư với tổng vốn 1,02 tỷ USD, chiếm 32,6% tổng vốn đầu tư tháng 7. Tổng giá trị vốn góp tháng 7 đạt gần 1,13 tỷ USD, cao nhất trong 7 tháng năm 2020.

Đã giải ngân 10,12 tỷ USD

Tính từ đầu năm tới ngày 20 tháng 7 năm 2020, ước tính các dự án FDI đã giải ngân 10,12 tỷ USD, bằng 95,9% so với cùng kỳ năm 2019; tổng vốn đăng ký cấp mới, điều chỉnh và góp vốn mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 18,82 tỷ USD, bằng 93,1% so với cùng kỳ năm 2019.

Vốn tăng chủ yếu do trong 7 tháng đầu năm có dự án Nhà máy điện khí tự nhiên hóa lỏng (LNG) Bạc Liêu được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mới với tổng vốn đầu tư là 4 tỷ USD (chiếm 42,3% tổng vốn đăng ký mới).

Tính lũy kế đến ngày 20 tháng 7 năm 2020, cả nước có 32.391 dự án còn hiệu lực với tổng vốn đăng ký 380,6 tỷ USD. Vốn thực hiện lũy kế của các dự án FDI ước đạt 221,87 tỷ USD, bằng 58,3% tổng vốn đăng ký còn hiệu lực.

Tiếp tục xuất siêu

Trong 7 tháng đầu năm 2020, do ảnh hưởng của Covid-19, kim ngạch xuất khẩu khu vực FDI tiếp tục giảm cả về giá trị và tỷ trọng trong kim ngạch xuất khẩu cả nước. Xuất khẩu (kể cả dầu thô) đạt trên 95 tỷ USD, bằng 94,3% so với cùng kỳ, chiếm 65,2% kim ngạch xuất khẩu. Xuất khẩu không kể dầu thô đạt 94,1 tỷ USD, bằng 94,5% so với cùng kỳ năm 2019, chiếm 64,6% kim ngạch xuất khẩu cả nước trong 7 tháng năm 2020. Nhập khẩu khu vực FDI đạt gần 77,5 tỷ USD, bằng 93,9% so cùng kỳ và chiếm 55,6% kim ngạch nhập khẩu cả nước.

Dù giảm so với cùng kỳ, song tính chung trong 7 tháng năm 2020, khu vực FDI vẫn xuất siêu gần 17,6 tỷ USD kể cả dầu thô và xuất siêu 16,7 tỷ USD không kể dầu thô; giúp bù đắp phần nhập siêu 11,1 tỷ USD của khu vực trong nước, giúp cả nước xuất siêu gần 6,5 tỷ USD.

Hiện có 104 quốc gia, vùng lãnh thổ có đầu tư tại Việt Nam

Các nhà đầu tư nước ngoài đã đầu tư vào 18 ngành lĩnh vực, trong đó lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo dẫn đầu với tổng vốn đầu tư đạt trên 8,96 tỷ USD, chiếm 47,6% tổng vốn đầu tư đăng ký. Lĩnh vực sản xuất, phân phối điện đứng thứ 2 với tổng vốn đầu tư 3,95 tỷ USD, chiếm 21% tổng vốn đầu tư đăng

ký. Tiếp theo lần lượt là các lĩnh vực hoạt động kinh doanh bất động sản, bán buôn bán lẻ với tổng vốn đăng ký 2,8 tỷ USD và gần 1,1 tỷ USD.

Lũy kế đến ngày 20 tháng 7 năm 2020, các nhà đầu tư nước ngoài đã đầu tư vào 19/21 ngành trong hệ thống phân ngành kinh tế quốc dân. Lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo chiếm tỷ trọng cao nhất 58,4% tổng vốn với 222,3 tỷ USD; tiếp theo là kinh doanh bất động sản 15,7% với 59,8 tỷ USD; sản xuất, phân phối điện 7,2% với 27,5 tỷ USD.

Trong 7 tháng đầu năm, có 104 quốc gia và vùng lãnh thổ có đầu tư tại Việt Nam: Singapore dẫn đầu với tổng vốn đầu tư 6,44 tỷ USD, chiếm 34,1% tổng vốn đầu tư vào Việt Nam; Hàn Quốc đứng thứ hai với tổng vốn đầu tư 2,8 tỷ USD, chiếm 15%; Trung Quốc đứng thứ 3 với tổng vốn đầu tư 1,7 tỷ USD, chiếm 9%; tiếp theo là Nhật Bản, Thái Lan, Đài Loan... Xét theo số dự án mới thì Hàn Quốc đứng vị trí thứ nhất (421 dự án); Trung Quốc thứ hai (237 dự án); Nhật Bản thứ ba (175 dự án); Hồng Kông thứ tư (148 dự án)...

Trong tháng 7, nhà đầu tư đến từ Malta có dự án đầu tư mới tại Việt Nam, nên số quốc gia, vùng lãnh thổ có dự án đầu tư tại Việt Nam đạt 137. Đứng đầu là Hàn Quốc với trên 70 tỷ USD (chiếm 18,4% tổng vốn đầu tư); Nhật Bản thứ hai với 60,2 tỷ USD (chiếm 15,8%); tiếp theo Singapore và Đài Loan, Hồng Kông.

Nhà đầu tư Việt Nam đã có mặt tại 24 quốc gia, vùng lãnh thổ

Báo cáo của Cục Đầu tư nước ngoài cho biết, trong 7 tháng đầu năm 2020, nhà đầu tư Việt Nam đầu tư nhiều nhất tại Đức, với 4 dự án đầu tư mới, tổng vốn đăng ký đạt 92,6 triệu USD, chiếm 36,6% tổng vốn đầu tư. Tổng vốn đầu tư ra nước ngoài được cấp mới và điều chỉnh đạt 252,9 triệu USD, bằng 91,2% so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó, có 80 dự án được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mới, với tổng vốn đạt 206,3 triệu USD và 17 lượt dự án điều chỉnh tăng thêm vốn đầu tư là 46,6 triệu USD (47,9% so với cùng kỳ năm 2019).

Trong tháng 7, có 10 dự án được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mới và 3 lượt dự án điều chỉnh, tổng vốn đầu tư ra nước ngoài cấp mới và tăng thêm đạt 30,3 triệu USD. Các nhà đầu tư Việt Nam đầu tư ra nước ngoài ở 14 lĩnh vực: công nghiệp chế biến, chế tạo dẫn đầu với 8 dự án cấp mới và 4 lượt điều chỉnh vốn, tổng vốn đăng ký 178,7 triệu USD, chiếm 70,7% tổng vốn đầu tư; dịch vụ lưu trú ăn uống đứng thứ 2, tổng vốn 15,9 triệu USD, chiếm 6,3%; tiếp theo là các lĩnh vực thông tin truyền thông, bán buôn bán lẻ.

Báo cáo cũng cho biết, có 24 quốc gia, vùng lãnh thổ nhận đầu tư của Việt Nam trong 7 tháng đầu năm. Dẫn đầu là Đức, tiếp theo là Myanmar, Hoa Kỳ, Singapore, Lào...

Biên soạn theo Thông tấn xã Việt Nam, Bộ Ngoại giao và các báo

QUAN HỆ MỸ - TRUNG QUỐC VÀ CUỘC CHIẾN QUYỀN LỰC TẠI BIỂN ĐÔNG

Mỹ từng nắm vị thế bá chủ thế giới về chính trị, kinh tế và quân sự. Nhưng khi Trung Quốc bắt đầu cải cách kinh tế vào những năm 1980, tư nhân hóa các ngành công nghiệp và đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tăng lên thì đến năm 2010, Trung Quốc đã có thể định vị lại các cường quốc, quyền bá chủ của Mỹ suy giảm. Trung Quốc trở thành mối đe dọa đối với chiến lược “Xoay trục” sang châu Á - Thái Bình Dương của Mỹ; lợi ích của Mỹ bị đe dọa và các nguồn lực không tập trung ở một cực. Mỹ tuyên bố Trung Quốc theo đuổi chiến lược “Chuỗi ngọc trai” để bao vây Mỹ. Thật ra, cả hai quốc gia đều hướng tới châu Á - Thái Bình Dương vì các nguồn tài nguyên và lợi ích của họ.

Mỹ hết thời “mật ngọt” trong chính sách với Trung Quốc ở Biển Đông

Theo Mỹ, nước này thay đổi cách tiếp cận đối với các yêu sách của Trung Quốc tại Biển Đông do Trung Quốc có các chiến thuật gây hấn và bắt nạt liên tục các nước láng giềng nhằm thiết lập quyền kiểm soát toàn diện ở khu vực này.

Dấu chấm hết của chính sách "mềm mỏng"

Mỹ tuyên bố rằng chính sách “mềm mỏng” của họ đối với Trung Quốc đã kết thúc. Ngày 13 tháng 7 năm 2020, Ngoại trưởng Mỹ Mike Pompeo khẳng định “Trung Quốc không có các cơ sở pháp lý để đơn phương áp đặt ý chí của mình tại khu vực”, cụ thể là Biển Đông. Ngoài việc bác bỏ yêu sách của Bắc Kinh đối với các nguồn tài nguyên ngoài khơi ở hầu hết khu vực Biển Đông và coi những yêu sách này là “hoàn toàn phi pháp”, lần đầu tiên Mỹ tuyên bố đang điều chỉnh quan điểm đối với các yêu sách của Trung Quốc ở Biển Đông theo hướng ủng hộ phán quyết của Tòa trọng tài thường trực (PCA) năm 2016.

Tiếp đó, trên Twitter, Ngoại trưởng Mỹ Mike Pompeo kêu gọi các quốc gia tự do hành động để kiềm chế, ngăn không để Trung Quốc xâm chiếm nhiều lãnh thổ hơn; đồng thời khẳng định Biển Đông không phải là đế chế hàng hải của Trung Quốc. Ngày 23 tháng 7, ông Pompeo kêu gọi các nước “không nên tin vào những gì các nhà lãnh đạo Trung Quốc nói mà hãy nhìn vào những gì họ làm”. Mỹ đã thay đổi chính sách từ “tin tưởng nhưng cần kiểm chứng” sang “không tin tưởng và không cần kiểm chứng”. Thách thức từ Trung Quốc đòi hỏi sự nỗ lực của các nền dân chủ ở châu Âu, châu Phi, Nam Mỹ và đặc biệt là Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương; sức mạnh kinh tế, ngoại giao và quân sự tổng hợp của Liên hợp quốc, NATO, G7 và G20 có thể giải quyết thách thức này nếu được định hướng đúng đắn; vì thế các quốc gia có cùng chí hướng cần thành lập một liên minh mới.

Tại cuộc tham vấn cấp bộ trưởng ngoại giao và quốc phòng lần thứ 30 giữa Mỹ và Australia, hai bên tái khẳng định Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương là trọng tâm, cần làm việc với ASEAN, Ấn Độ, Nhật Bản, Hàn Quốc và các đối tác của Liên minh tình báo “Five Eyes” để củng cố liên kết của các đồng minh và đối tác, để duy trì một khu vực an toàn, thịnh vượng, toàn diện và dựa trên luật pháp. Đồng thời bác bỏ yêu sách “Đường 9 đoạn” của Trung Quốc, tái khẳng định vai trò của Đài Loan ở khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Những động thái này phản ánh sự phản đối ngày càng gia tăng đối với hành vi phi pháp của Trung Quốc.

Những khía cạnh cần lưu ý

Về bản chất, cách tiếp cận thay đổi của Mỹ có 4 khía cạnh quan trọng.

- Dù chưa tuyên bố gì về các tranh chấp lãnh thổ, Mỹ chắc chắn đã có quan điểm về các tranh chấp hàng hải về quyền đối với các vùng biển và đáy biển.

- Mỹ hiện kiên quyết ủng hộ phán quyết của PCA năm 2016 vô hiệu hóa yêu sách “Đường 9 đoạn” của Trung Quốc.

- Mỹ sẽ đưa các thực thể khác như cụm bãi cạn Luconia, bãi cạn James ngoài khơi Malaysia, và Bãi Tư Chính ngoài khơi Việt Nam vào diện các thực thể là các đảo chìm tự nhiên, các bên không thể tuyên bố chủ quyền.

- Mỹ chỉ “đích danh” những hành động của Trung Quốc là “phi pháp”, trước đó chỉ dùng những thuật ngữ như “gây bất ổn” hoặc “gây hấn”.

Thay đổi trong chính sách của Mỹ có 3 điểm cần lưu ý:

1. Trong tương lai, Mỹ có thể có phản ứng ngoại giao mạnh mẽ hơn, lên án các hành vi xâm phạm trái phép của Trung Quốc vào vùng đặc quyền kinh tế (EEZ) hoặc quấy rối hoạt động khoan dầu và đánh bắt cá của nước khác.

2. Mỹ sẽ đưa các hành vi bất hợp pháp ra trước các diễn đàn quốc tế, sẽ nêu vấn đề tại các hội nghị Liên hợp quốc, G7 và G20...

3. Mỹ có thể thực hiện thêm nhiều bước đi nhằm gây thiệt hại kinh tế cho Trung Quốc. Với tuyên bố một số hoạt động của Trung Quốc là bất hợp pháp, Mỹ tự biện minh cho việc áp đặt các biện pháp trừng phạt đối với một số công ty và tổ chức Trung Quốc thực hiện các hoạt động trên.

Trong ngắn hạn, căng thẳng giữa 2 bên có thể leo thang, do Trung Quốc phải sử dụng chính sách ngoại giao chiến lang vì phải làm hài lòng người dân trong nước vốn khó chịu trước sự bất bình đẳng và chủ nghĩa dân tộc cực đoan.

Tuyên bố của Mỹ về Biển Đông là “trái đắng” của căng thẳng Mỹ-Trung

Trung Quốc viện dẫn các yêu sách từ nhiều thế kỷ trước để tuyên bố chủ quyền phần lớn diện tích Biển Đông và không ngừng mở rộng sự hiện diện quân

sự, tăng cường tuần tra khu vực - những bước đi nhằm thay đổi hiện trạng ở Biển Đông. Đáp lại, Mỹ đã có những động thái thể hiện phần nào lập trường chính sách của Mỹ ở Biển Đông như nêu trên. Đó được xem là “trái đắng” của sự căng thẳng giữa Mỹ - Trung và thể hiện sự chuyển hướng chính sách quan trọng.

Theo báo cáo năm 2015 của Bộ Ngoại giao Mỹ, hằng năm có khoảng 5,3 nghìn tỷ USD hàng hóa được vận chuyển qua khu vực Biển Đông, chiếm 30% thương mại trên biển toàn cầu. Cơ quan Thông tin Năng lượng Mỹ ước tính có 11 tỷ thùng dầu và 190 ngàn tỷ feet khối khí tự nhiên trong các mỏ chưa khai thác dưới Biển Đông. Vì thế, Biển Đông là một khu vực có ý nghĩa chiến lược và mang lại nhiều lợi ích; tất cả các quốc gia đều muốn giữ tuyến đường thương mại này mở cửa và tự do cho tất cả các bên để lưu thông hàng hóa. Năm 2013, Philippines đã đệ trình một vụ kiện theo Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982 (UNCLOS) lên Tòa Trọng tài Thường trực (PCA) sau khi Trung Quốc chiếm quyền kiểm soát đối với Đá Subi. Năm 2016, PCA ra phán quyết bác bỏ lập luận của Trung Quốc về các quyền lịch sử đối với hầu hết khu vực Biển Đông.

Bước tiến về chính sách của Mỹ

Phía Mỹ đã có nhiều động thái. Theo Tư lệnh Hải quân Mỹ Joshua Fagan, chỉ huy các hoạt động không quân của Lực lượng đặc nhiệm 70 trên tàu USS Ronald Reagan, việc ngày 14 tháng 8 năm 2020, một tàu sân bay của Hải quân Mỹ cùng các chiến hạm hộ tống đã phối hợp các đối tác tập trận ở Biển Đông là điều cần thiết để duy trì khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương tự do và cởi mở. Mỹ còn điều động nhiều oanh tạc cơ chiến lược - gồm cả oanh tạc có khả năng tàng hình, tầm bay lên đến 11.000 km, có thể mang theo số vũ khí hỏa lực cực mạnh đến các căn cứ ở Ấn Độ Dương, Nhật Bản và đảo Guam. Cộng với những triển khai của Trung Quốc đã tạo thế trận hỏa lực bao trùm cả Biển Đông.

Mỹ có đang tận dụng xung đột trên Biển Đông để gia tăng sự hiện diện quân sự? Tuyên bố nêu trên của Ngoại trưởng Pompeo cho thấy Mỹ có sự chuyển hướng chiến lược trong chính sách và có chuyển hướng nhất định trong cách nhìn nhận về Trung Quốc. Lần gần nhất Mỹ thể hiện lập trường về Biển Đông là tại Hội nghị cấp cao ASEAN-Mỹ ở California năm 2016, các tranh chấp ở Biển Đông được đưa ra thảo luận nhưng chỉ có “Tuyên bố Sunnylands” kêu gọi tôn trọng chủ quyền của mỗi quốc gia và luật pháp quốc tế. Nay, Tổng thống Mỹ Donald Trump liên tục chỉ trích Bắc Kinh nhiều vấn đề, các chuyên gia cho rằng: Tuyên bố chính sách gần đây của Mỹ về Biển Đông là “trái đắng” của sự căng thẳng giữa hai bên.

Tổng thống Mỹ: “Quan hệ tuyệt vời” với Chủ tịch Trung Quốc đã khác

Trả lời phỏng vấn của Đài Fox Sports ngày 11 tháng 8 năm 2020, Tổng thống Mỹ Donald Trump cho rằng dù đã từng “có mối quan hệ tuyệt vời với Chủ tịch

Tập” nhưng nay mối quan hệ này không còn như trước. Gần đây, căng thẳng Mỹ - Trung tiếp tục leo thang do những xung đột trong thương mại, Mỹ cấm cửa các công ty công nghệ sở hữu các ứng dụng mạng xã hội của Trung Quốc như TikTok, WeChat với cáo buộc đe dọa an ninh quốc gia cũng như vấn đề Biển Đông.

Trang mạng South China Morning Post cũng ngày 11 tháng 8 thông tin, Mỹ và Trung Quốc đều tăng cường hoạt động tại các vùng biển tranh chấp, va chạm máy bay và tàu chiến giữa 2 bên thường xuyên hơn, nhưng Bắc Kinh đã lệnh cho các phi công và sĩ quan hải quân phải kiềm chế. Một số thông tin về điện đàm giữa Bộ trưởng Quốc phòng hai nước cũng bị tiết lộ. Điện đàm lần đầu do Mỹ đề xuất một tháng trước đó nhưng Bắc Kinh khá hồ hững; khi căng thẳng leo thang ở biển Hoa Đông và Biển Đông, lãnh đạo Trung Quốc đã tiếp nhận một cách thiện chí; liên lạc qua "nhiều kênh" cho biết quân đội "không bao giờ nổ súng trước" như là cử chỉ thiện chí giữ tình hình trong tầm kiểm soát.

Trước đó, Mỹ triển khai 2 nhóm tác chiến tàu sân bay (USS Nimitz và USS Ronald Reagan) để tập trận gần vùng biển Trung Quốc; gần đây đã tổ chức trình sát trên không vào ban đêm gần tỉnh Quảng Đông và Phúc Kiến. Còn Trung Quốc thì tập trận hải quân và bay do thám xung quanh Đài Loan và Biển Đông. Dù coi các nhóm tàu sân bay Mỹ là "những con hổ giấy" nhưng Quân giải phóng nhân dân Trung Quốc (PLA) vẫn cảnh giác với các cuộc đụng độ bất ngờ với Mỹ.

Chính sách kiềm chế của Mỹ

Không muốn Trung Quốc trở thành siêu cường, Mỹ đưa ra chính sách kiềm chế, đồng thời nỗ lực về quân sự và ngoại giao để Trung Quốc ở đâu, Mỹ sẽ ở đó kiềm chế khiến Trung Quốc suy yếu và chia rẽ. Năm 2012, Mỹ công bố chính sách “Xoay trục” sang châu Á - Thái Bình Dương. Ở Biển Đông, Mỹ muốn lặp lại chính sách đã thực hiện trong thời Chiến tranh Lạnh để ngăn chặn Liên Xô nhưng sự đối đầu Mỹ - Trung hiện nay hoàn toàn khác.

Ngoài các đồng minh hiện nay (Hàn Quốc, Nhật Bản, Australia, Ấn Độ), Mỹ đang tạo dựng liên minh chống Trung Quốc. Nhiều quốc gia cũng đang hợp tác đối phó Trung Quốc. Như Singapore thỏa thuận với Australia về huấn luyện binh lính, chia sẻ thông tin tình báo với mức đầu tư gần 1,7 tỷ USD; cùng Mỹ giúp Australia phát triển lực lượng; và quân đội Mỹ sẽ được tạo điều kiện trong mọi cuộc khủng hoảng dù Mỹ không có căn cứ quân sự thường trực ở Singapore...

Mỹ đã nhận thức được mối đe dọa từ Trung Quốc. Ngay từ đầu, Mỹ đã khôn khéo kiểm soát một số quốc gia và vùng lãnh thổ để họ phải dựa vào Mỹ, luôn sẵn sàng cùng Mỹ đối phó Trung Quốc. Mỹ đang kiểm soát Trung Quốc bằng ba vòng tròn rắn đe: Các quốc gia và vùng lãnh thổ gần Trung Quốc mà Mỹ có cơ sở quân sự và đang tìm cách thiết lập căn cứ hải quân ở vịnh Subic (Philippines); Hawaii

và Guam; Alaska và California. Đồng thời đã có những động thái phù hợp để khóa chặn eo biển Malacca vốn có ý nghĩa quan trọng với Trung Quốc. Mỹ cũng sẽ triển khai tàu chiến đến Singapore, cung cấp phương tiện quân sự cho Philippines và Australia thông qua lực lượng của mình. Ngoài ra, Mỹ đã nhiều năm thuyết phục Nga tham gia chống Trung Quốc và đổi lại, sẽ nhượng bộ Nga trong lĩnh vực phòng thủ tên lửa, kinh tế và tài chính, nhưng đến nay chưa có tiến triển nào.

Triển khai quân sự của Mỹ

Tuy không trong số 6 quốc gia đang tuyên bố chủ quyền đối với Biển Đông nhưng vì những lợi ích và mối quan tâm hàng đầu là kiềm chế Trung Quốc ở bất kỳ đâu trên thế giới, Mỹ vẫn hiện diện ở Biển Đông. Ở khu vực Thái Bình Dương, Hải quân Mỹ có nhiều máy bay F-18, Mỹ có các nhóm tấn công tàu sân bay (CSG) với hàng loạt máy bay, có cả “siêu ong bắp cày” F/A-18 A và B-1B Lancer, và sẽ triển khai lực lượng tới bất cứ nơi nào luật quốc tế cho phép.

Mỹ còn trang bị các máy bay cảnh báo và kiểm soát sớm trên không như máy bay E-2 Hawkeye và các tàu khu trục; đã chế tạo tàu chiến đấu “USS Coronado” có sức mạnh không quân đáng nể, như MH-60S Seahawk có 50 súng máy; và đã triển khai các hệ thống tên lửa đạn đạo ở Hàn Quốc, Nhật Bản... Những hệ thống phòng thủ này có thể đánh chặn tên lửa và làm suy yếu khả năng tấn công hạt nhân của Trung Quốc. Ngoài ra, Mỹ còn có các đối tác xung quanh Biển Đông hỗ trợ như Lực lượng Phòng vệ Nhật Bản; Philippines đã thỏa thuận cho phép Mỹ đặt 5 căn cứ quân sự tại Manila. Đó cũng là mối đe dọa lớn với Trung Quốc.

Trung Quốc: Những tham vọng và thách thức

Cùng với tranh giành quyền lực ở Biển Đông, Trung Quốc còn có nhiều vấn đề chính trị và pháp lý liên quan đến hàng hải. Để hiểu được tham vọng của Trung Quốc, cần nắm ba khía cạnh cơ bản: Quan điểm về xung đột trên biển hiện nay và việc duy trì toàn vẹn lãnh thổ; Căng thẳng địa chính trị giữa Trung Quốc và Mỹ; Chính sách/chiến lược Trung Quốc đưa ra để đạt được sức mạnh hàng hải.

Năm 2015, Trung Quốc công bố “Con đường tơ lụa trên biển” với khoản đầu tư 40 tỷ USD, về cơ bản là bảo vệ các tuyến hàng hải chiến lược. Trung Quốc đã mở rộng để con đường này kết nối châu Á với châu Phi và châu Âu nên đang tăng cường sự hiện diện ở Biển Đông. Chú ý đặc biệt của dư luận về quan hệ của Trung Quốc với Mỹ và các quốc gia ở khu vực (Việt Nam, Philippines) đang là trở ngại của Trung Quốc trên con đường hướng tới quyền kiểm soát hàng hải hợp pháp.

Để khắc phục những vấn đề trên, Trung Quốc kết hợp nhiều phương pháp tiếp cận: hợp tác với Mỹ và các nước láng giềng trong khu vực; kiên định chính sách ngoại giao cường ép, sử dụng quân sự để giành quyền kiểm soát hàng hải và

đôi phó các quốc gia trong khu vực chống lại mình. Tuy nhiên, họ vẫn gặp khó khăn vì vẫn đang tụt hậu so với Mỹ về quốc phòng và quân sự.

Để đạt mục tiêu dài hạn giành quyền kiểm soát biển Đông, Trung Quốc đã đưa ra chính sách ba vòng tròn chiến lược, gồm: Mở rộng lực lượng hải quân từ Nhật Bản đến Đài Loan và tiếp đó là Philippines vào năm 2010; Kiểm soát quần đảo Sakhalin, sẽ mở rộng đến Tây Nam Thái Bình Dương, dự kiến hoàn thành năm 2025; và Kiểm soát từ quần đảo Aleutian ở phía Bắc đến Nam Cực, sẽ hoàn thành năm 2020. Tuy nhiên, Trung Quốc phải hiện đại hóa các chiến lược cho phù hợp hoàn cảnh cụ thể, vì năng lực hiện tại chưa thể giúp Trung Quốc trở thành cường quốc hàng hải. Bên cạnh đó, kinh tế Trung Quốc phụ thuộc vào xuất khẩu và tuyến giao thông trên biển chủ chốt của Trung Quốc ở khu vực Ấn Độ Dương (SLOC) từ Biển Đông qua eo Biển Malacca - nơi Mỹ có bố trí lực lượng quân sự và có khả năng phong tỏa. Đây cũng là thách thức lớn với Trung Quốc.

Trung Quốc xây dựng quân đội

Chiến lược chống tiếp cận/chống xâm nhập khu vực A2/AD của Trung Quốc nhằm hạn chế khả năng tấn công các vị trí chiến lược của đối phương đang đe dọa Mỹ và các đồng minh. Theo Tổ chức Theo dõi an ninh IHS Janes, ngân sách quốc phòng của Trung Quốc tiếp tục tăng 7%/năm. Phụ thuộc rất nhiều vào Biển Đông và để đáp ứng các lợi ích, Trung Quốc đang củng cố lực lượng hải quân; thêm nhiều trang thiết bị quân sự ở Biển Đông như tên lửa mặt đất DF-21D, DF 26C có thể đánh chìm tàu hải quân và bắn tới căn cứ không quân của Mỹ trên đảo Guam ở Thái Bình Dương. Trung Quốc còn có nhiều tàu khu trục, tàu ngầm hiện đại; có hai tàu ngầm chạy bằng năng lượng hạt nhân, có thể mang hai tên lửa đạn đạo; và trong năm 2020, tàu sân bay Liêu Ninh cùng 3 tàu chiến sẽ đi vào hoạt động.

Trung Quốc đang xây dựng và sẽ bố trí các thiết bị quân sự tại các đảo nhân tạo như ở các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Theo Mỹ, Trung Quốc xây dựng các đảo nhân tạo được xếp vào loại hình chiến tranh đương đại, sử dụng các công cụ chia sẻ thông tin tình báo, hệ thống giám sát, tấn công mạng để đạt mục tiêu địa chính trị, giúp nâng cao năng lực quân sự và khả năng kiểm soát Biển Đông.

Đối đầu với Mỹ sẽ là “thảm họa” với cả hai nước và thế giới

Trong bài viết "Tôn trọng lịch sử, hướng tới tương lai, kiên định gìn giữ và ổn định quan hệ Trung-Mỹ không thay đổi" ngày 07 tháng 8 năm 2020, ông Dương Khiết Trì, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ nhiệm Văn phòng Ủy ban Công tác đối ngoại Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc khẳng định, quan hệ Trung - Mỹ là một trong những quan hệ song phương quan trọng nhất thế giới. Đối với cả hai nước và thế giới, hai nước hợp tác có thể làm nên việc lớn nhưng nếu đối đầu sẽ là "thảm họa". Thời gian gần đây, một số chính khách Mỹ đưa ra những "luận

điều hoang đường", bóp méo, phủ định sạch trơn lịch sử quan hệ hai nước trong gần 50 năm qua, khiến quan hệ hai nước đặc biệt "phức tạp nghiêm trọng". Trung Quốc quyết không để quan hệ này rơi vào tình huống "cực kỳ nguy hiểm"...

Trước đó 01 ngày, trả lời phỏng vấn của Tân Hoa Xã, Ủy viên Quốc vụ kiêm Bộ trưởng Ngoại giao Trung Quốc Vương Nghị cho rằng, quan hệ Trung-Mỹ đang đối mặt với "cực diện phức tạp nhất kể từ khi thiết lập quan hệ ngoại giao".

Biển Đông đang chứng kiến sự tranh giành quyền lực giữa hai siêu cường. Mỹ không muốn một siêu cường khác thách thức nên đang lập liên minh để bao vây Trung Quốc; và căn cứ vào quyền tự do hàng hải để khẳng định các tàu của Mỹ được di chuyển qua các vùng biển này. Trung Quốc thì cho rằng Mỹ đang thôi thúc nhiều quốc gia phản đối các tuyên bố chủ quyền của họ ở Biển Đông và cay cú khi Mỹ khẳng định có quyền điều tàu đến tuần tra các vùng biển trong khu vực cách bờ biển Trung Quốc 22 km. Biển Đông đã trở thành phép thử đối với khả năng tái cân bằng sức mạnh của Mỹ ở châu Á và xu hướng bảo vệ các liên minh và đồng minh trước sự bắt nạt của Trung Quốc. Cơ chế “ăn miếng, trả miếng” ở Biển Đông có thể kích động xung đột trong tương lai ở gần.

Phân tích tương lai

Năng lực quân sự của Trung Quốc phần nào đã được cải thiện. Cùng với tăng ngân sách quốc phòng, hiện đại hóa vũ khí và thiết bị, Trung Quốc cố gắng phát triển công nghệ nội địa. Trung Quốc đã nhiều năm thực hiện chiến lược A2/AD để kiềm chế Mỹ và các đồng minh tại khu vực Thái Bình Dương, hẳn phải có hệ thống giám sát hiện đại có năng lực tình báo giám sát và do thám. Năng lực không gian mạng, không quân, tên lửa và hải quân cũng có tiến bộ. Trong tương lai gần, nếu chiến lược này thực hiện hiệu quả, Trung Quốc dễ dàng phát triển năng lực không gian và có khả năng tấn công máy bay phản lực, tàu sân bay, tàu ngầm, tên lửa và các trung tâm thông tin của đối thủ và gây ra sự thay đổi lớn ở Biển Đông cũng như các khu vực khác của châu Á - Thái Bình Dương. Trung Quốc có thể đối mặt tình thế tiến thoái lưỡng nan nếu Mỹ phong tỏa eo biển Malacca; nhưng trong tương lai gần, khi hành lang kinh tế Trung Quốc - Pakistan đi vào hoạt động, Trung Quốc sẽ tiến hành các hoạt động thương mại thông qua tuyến đường này.

Một diễn biến quan trọng khác là Mỹ triển khai hệ thống phòng thủ tên lửa tầm cao giai đoạn cuối (THAAD) ở Hàn Quốc, có thể mở rộng khả năng răn đe với Trung Quốc. Dù Trung Quốc có thể cho ra đời hệ thống tên lửa tiên tiến hơn nhưng hiện THAAD có thể làm lệch cán cân quân sự ở Biển Đông. Nhật đang củng cố lực lượng phòng vệ đối phó với bất kỳ sự xâm lược nào từ Trung Quốc ở Biển Đông nên cần hợp tác với Mỹ và cần có ngân sách quốc phòng khổng lồ.

Biên soạn theo tài liệu Thông tấn xã Việt Nam, Bộ Ngoại giao và các báo